**BỆNH ÁN NHI KHOA**

1. Hành chính

* Họ tên bệnh nhi:.
* Giới tính : Nam
* Ngày sinh: 2011, 8 tuổi.
* Địa chỉ:TPHCM.
* Ngày nhập viện: 20/12/2019.

1. Lý do nhập viện: ban da.
2. Bệnh sử:

* Bệnh 2 ngày, mẹ bệnh nhi ( người trực tiếp nuôi bé) khai bệnh.
* Cách nhập viện 13 ngày, bệnh nhân nổi ban ở chân 🡪 Nv BVNĐ1 được chuẩn đoán Henoch- Schonlein pupura, điều trị 5 ngày🡪 xuất viện.
* Cách nv 8 ngày, bệnh nhi sốt không rõ nhiệt độ,ho khạc đàm vàng xanh, lượng nhiều, kèm sổ mũi, dịch mũi vàng xanh, lượng nhiều,??? điều trị?
* Cách nv 2 ngày, bệnh nhi bắt đầu nổi ban ở chân, đối xứng hai chân, lan dần lên đùi, ban màu hồng nhạt, không ngứa không đau.
* Trong quá trình bệnh, bệnh nhi:
* Triệu chứng tiêu hóa: không đau bụng, không nôn ói, đi tiêu bình thường, phân vàng đóng khuôn,
* Triệu chứng khớp:không đau sưng các khớp gối, cổ chân, khủy, cổ tay, bàn tay,
* Triệu chứng thận: đi tiểu nước tiểu vàng trong, không rõ lượng,
* (Tăng huyết áp?) không chóng mặt, hoa mắt, nhức đầu.
* Tình trạng lúc NV:
  + Bé tỉnh.
  + Không sốt.
  + Niêm hồng.
  + Chi ấm, mạch rõ.
  + Họng sạch.
  + Phổi: rì rào phế nang thô ráp?, không rale.
  + Tim đều, T1,T2 rõ.
  + Bụng mềm.
  + Sinh hiệu
    - Mạch: lần/phút.
    - Huyết áp: mmHg.
    - Nhiệt độ: oC.
    - Nhịp thở: lần/phút.
* Xử trí lúc NV:

1. Tiền căn:
2. Bản thân:

* Sản khoa: Con 1/1, PARA mẹ 1001 sanh mổ, thiếu tháng( 32 tuần)- do mẹ bị tiền sản giật, cân nặng lúc sinh là 1,8kg- nằm lồng hấp 3 ngày- sau đó nv nhi đồng 1 tháng do thai chậm tăng trưởng trong tử cung.
* Dinh dưỡng: hỗn hợp, cai sữa lúc 12 tháng.
* Phát triển tâm thần vận động: phù hợp với tuổi.
* Chủng ngừa: theo TCMR.
* Dị ứng: Chưa ghi nhận tiền căn dị ứng thuốc, thức ăn.
* Bệnh lí:
  + Cách NV 13 ngày, Henoch- Schonlein pupura.
  + Suyễn: kiểm soát tốt ( ngày xịt thuốc ngừa cơn 1 lần/ buổi tối, trong 6 tháng qua chưa nv vì lên cơn khó thở,? Cần hỏi gì nữa không).

1. Gia đình:

* Cha bị dị ứng nước????

1. Khám (19h30 ngày 20/12/2019, ngày thứ 2 của bệnh).
2. Tổng quát:

* Bé tỉnh, tiếp xúc tốt.
* Sinh hiệu lúc khám:
  + Mạch: lần/ phút.
  + Nhịp thở: lần/ phút.
  + Nhiệt độ:
* Cân nặng: kg, chiều cao: cm
  + CC/tuổi:
  + CN/tuổi:
  + CN/CC:
  + BMI/tuổi:
* Hạch cổ không sờ chạm.
* Không phù.

2. Khám từng vùng

1. Đầu, mặt, cổ:

* Cân đối, không biến dạng
* Môi không khô, lưỡi không dơ.
* Họng: amidan phải phì đại.
* Mũi: chảy dịch vàng.

1. Ngực:

* Lồng ngực cân đối, không biến dạng, không sẹo mổ, di động đều theo nhịp thở, không cử động ngực bụng nghịch thường.
* Phổi: rì rào phế nang thô ráp phổi không rale.
* Tim : đều, không âm thổi.

1. Bụng:

* Bụng cân đối, di động theo nhịp thở, không sẹo mổ, không tuần hoàn bàng hệ, không dấu xuất huyết, rốn lõm.
* Bụng mềm, không điểm đau, không u bướu.
* Gan, lách không sờ chạm.
* Cơ quan sinh dục ngoài là nam.

1. Thần kinh:

* Không dấu thần kinh khu trú.

1. Tứ chi:

* Không giới hạn vận động, không sưng đỏ khớp, sức cơ 5/5.
* Ban xuất huyết, đối xứng hai chân, màu hồng nhạt.

1. Tóm tắt bệnh án:

* Bé nam, 8 tuổi, bệnh 2 ngày,nhập viện vì ban chân , qua hỏi bệnh và thăm khám ghi nhận các triệu chứng sau:
* TCCN:
* TCTT: ban xuất huyết
* Tiền căn:
  + 13 ngày trước nv: Henoch- Schonlein pupura.

1. Đặt vấn đề:
2. Chẩn đoán:

* Chẩn đoán sơ bộ:
* Chẩn đoán phân biệt:

1. Biện luận:
2. Đề nghị cận lâm sàng:
3. Kết quả cận lâm sàng:

Ngày 17/12/2019.

1. Tổng phân tích nước tiểu.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Kết quả | CSBT | Đơn vị |
| Urobilinogen | 1.6 |  | umol/L |
| Glucose | - |  | mmol/L |
| Billirubin | - |  |  |
| Ketones | - |  | mmol/L |
| S.G | 1.030 |  |  |
| Ery | +++(250) |  | RBC/uL |
| pH | 5.5 |  |  |
| Protein | ++(1) |  | g/L |
| Nitrite | - |  |  |
| Leukocytes | +++( 500) |  | WBC/uL |
| ASC | - |  | mmol/uL |

Pro: 2.147g/L

Cre: 13.561 mmol/L

🡪Pro niệu/ Cre niệu: 158 mg/mmol.

1. Siêu âm bụng chú ý hệ niệu:

Gan: không to, đồng dạng bờ đều.

Túi mật: không sỏi, thành không dày.

Đường mật: trong ngoài gan không dãn.

Tụy: không to, đồng dạng.

Lách: không to, đồng dạng.

Dạ dày- ruột: dấu tắc ruột(-), lồng ruột(-), cocard(-), vị trí mạch mạc treo bình thường.

Thận (P): d=94\*34mm, không ứ nước, không sỏi.

(T): d=98\*45mm, không ứ nước, không sỏi.

Chủ mô hai thận dày hơn gan, còn phân biệt vỏ tủy.

Bàng quang: vách không dày không sỏi.

Khoang sau phúc mạc, không cấu trúc bất thường.

Dịch tự do: không.

Dịch màng phổi: không.

🡪 Thay đổi cấu trúc chủ mô thận hai bên.

1. Xét nghiệm máu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sinh hóa máu | | | |
|  | KQ | BT | ĐV |
| Sodium | 139.9 | 135-145 | mmol/L |
| Potassium | 4.99 | 3.5-5 | mmol/L |
| Calci ion hóa | 1.13 | 1.1-1.25 | mmol/L |
| Chloride | 105.5 | 98-107 | mmol/L |
| Định lượng Creatinin | 113.48 | 44.2-106 | umol/L |
| Định lượng Cholesterol toàn phần | 4.59 | <5.2 | mmol/L |
| Định lượng Albumin | 3.44 | 2.8-4.4 | g/L |
| Định lượng bổ thể C3 | 26.34 | 90-180 | mg/dL |
| Định lượng bổ thể C4 | 31.27 | 10-40 | mg/dL |
| HbsAg | - |  |  |
| Anti HCV | - |  |  |

Ngày 18/12/2019.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sinh hóa máu | | | |
|  | KQ | BT | ĐV |
| Sodium | 141.2 | 135-145 | mmol/L |
| Potassium | 5.09 | 3.5-5 | mmol/L |
| Calci ion hóa | 1.07 | 1.1-1.25 | mmol/L |
| Chloride | 111.8 | 98-107 | mmol/L |
| Định lượng Creatinin | 111.76 | 44.2-106 | umol/L |
| Định lượng Urê | 12.73 | <1.8-6.4 | mmol/L |

Soi cặn lắng nước tiểu:

Hồng cầu(+).

40% hồng cầu có hình dạng bất thường( hồng cầu hình răng cưa).

Không trụ hồng cầu.

Ngày 19/12/2019.

1. Chẩn đoán xác định:
2. Nguyên tắc điều trị:

a. Điều trị cấp cứu:

b. Điều trị nguyên nhân:

c. Điều trị hỗ trợ :

d. Điều trị biến chứng: